

Số 60 /2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Thông tư số 30/2025/TT-BKHCN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành tiêu chí đối với dây chuyền công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được nhập khẩu phục vụ trực tiếp dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn và hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số;

Căn cứ Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm;

Căn cứ Thông tư số 33/2025/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thiết bị điện tử được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp;

Xét Tờ trình số 250/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, nội dung theo quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 257/BC-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ năm (Kỳ họp

thường lệ giữa năm 2026), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ
từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong
lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2026/NQ-HĐND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 3 Điều 18, khoản 4 Điều 28, khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 39, khoản 6 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam (sau đây viết tắt là doanh nghiệp) thực hiện dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo; dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số; dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thẩm định, phê duyệt và giám sát việc hỗ trợ.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Các chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này được thực hiện theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư. Mức hỗ trợ được xác định trên cơ sở các khoản chi phí thực tế phát sinh, có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật, còn hiệu lực và được lập trong thời gian không quá 36 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Việc hỗ trợ phải đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện của địa phương. Đồng thời, không trùng lặp với nội dung hỗ trợ từ các chính sách, chương trình, dự án khác.

3. Tại một thời điểm, một tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có thể được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này nếu đáp ứng các tiêu chí, điều kiện hỗ trợ theo quy định. Đối với cùng một nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này, mỗi tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chỉ được hưởng hỗ trợ một lần.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nhận hỗ trợ mà không thực hiện đúng cam kết (không triển khai dự án, sử dụng vốn không đúng mục đích, rút vốn trước thời hạn cam kết, vi phạm pháp luật) sẽ bị thu hồi toàn bộ khoản hỗ trợ đã giải ngân và xử lý theo quy định pháp luật. Trường hợp có hành vi gian dối, hợp thức hóa chứng từ giả mạo để chiếm đoạt kinh phí hỗ trợ thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 4. Hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo.

2. Tiêu chí, điều kiện hỗ trợ

Dự án quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ khi đáp ứng đầy đủ điều kiện chung tại điểm a khoản này và các điều kiện cụ thể tương ứng với từng nội dung đề nghị hỗ trợ tại điểm b hoặc điểm c khoản này:

a) Điều kiện chung: Đối với dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, sản phẩm của dự án phải thuộc Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm;

b) Đối với thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao: Doanh nghiệp thực hiện dự án phải có hợp đồng thuê nhân lực theo quy định của pháp luật; nhân lực phải có vị trí, công việc cụ thể trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo; nhân lực được thuê phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

c) Đối với hỗ trợ một phần chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp: Chỉ hỗ trợ đối với người có quốc tịch Việt Nam và ký hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên với doanh nghiệp thực hiện dự án; đồng thời, nội dung đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng phù hợp với mục tiêu dự án đề nghị hỗ trợ.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao: Hỗ trợ 50% chi phí trả lương cho nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao trong 12 tháng; mức hỗ trợ không quá 840 triệu đồng/dự án và không quá 420 triệu đồng/người/12 tháng;

b) Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/người/dự án nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư đối với các dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.

2. Tiêu chí, điều kiện hỗ trợ

a) Đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm: Có sản phẩm công nghệ số thuộc Phụ lục Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm ban hành kèm theo Thông tư số 31/2025/TT-BKHCHN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm.

b) Đối với dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn được hỗ trợ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện sau:

b1) Sản phẩm của dự án là sản phẩm bán dẫn theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15. Trường hợp dự án nhập khẩu dây chuyền công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng phục vụ trực tiếp sản xuất thì dây chuyền, máy móc đó phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Thông tư số 30/2025/TT-BKHCHN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành tiêu chí đối với dây chuyền công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được nhập khẩu phục vụ trực tiếp dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn và hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số;

b2) Doanh nghiệp thực hiện dự án đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

b3) Có đội ngũ nhân sự hoặc chuyên gia tham gia thực hiện dự án theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thuê chuyên gia phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói hoặc kiểm thử chip bán dẫn;

c) Đối với dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được hỗ trợ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện sau:

c1) Có tổng vốn đầu tư dự án (không bao gồm tiền thuê đất) từ 60.000 triệu đồng trở lên;

c2) Doanh nghiệp (hoặc công ty mẹ/tổ chức tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp) đã thực hiện thành công ít nhất 01 dự án hạ tầng số, trung tâm dữ liệu hoặc hạ tầng chuyên dụng trí tuệ nhân tạo có quy mô tương đương trong thời gian 05 năm gần nhất;

c3) Có đội ngũ nhân sự hoặc chuyên gia theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thuê chuyên gia phù hợp với các vị trí quản trị trung tâm dữ liệu, kỹ thuật phần cứng trí tuệ nhân tạo, kiến trúc trí tuệ nhân tạo, điện năng, an ninh mạng, phát triển và vận hành.

d) Các dự án quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với trường hợp thuộc diện phải thực hiện) và có cam kết bằng văn bản về việc duy trì hoạt động tại tỉnh Thái Nguyên tối thiểu 05 năm.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Chi phí đầu tư xây dựng nhà máy: Hỗ trợ 50% chi phí san lấp mặt bằng theo đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nhưng không quá 5.000 triệu đồng/dự án.

b) Chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Hỗ trợ 30% tổng chi phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, chiếu sáng trong khuôn viên dự án nhưng không quá 10.000 triệu đồng/dự án.

c) Chi phí trang thiết bị máy móc: Hỗ trợ 20% chi phí mua sắm dây chuyền máy móc, thiết bị công nghệ cao, tự động hóa nhưng không quá 15.000 triệu đồng/dự án.

Điều 6. Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ: Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số do tổ chức, cá nhân hoặc doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Tiêu chí, điều kiện hỗ trợ

Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số được hỗ trợ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện sau:

a) Sản phẩm, dịch vụ của dự án là sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, có tính đổi mới sáng tạo, tạo ra giá trị gia tăng và có khả năng thương mại hóa;

b) Tổ chức, cá nhân hoặc doanh nghiệp thực hiện dự án được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật (đối với trường hợp phải đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật);

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ, tổ chức, cá nhân hoặc doanh nghiệp thực hiện dự án chưa được ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đối với cùng nội dung đề nghị hỗ trợ của dự án;

d) Tổ chức, cá nhân hoặc doanh nghiệp thực hiện dự án có cam kết bằng văn bản về việc duy trì hoạt động và tiếp tục triển khai dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tối thiểu 03 năm kể từ ngày nhận kinh phí hỗ trợ.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Chi phí đào tạo và phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số: Hỗ trợ các khóa đào tạo ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, phát triển sản phẩm, marketing số, sở hữu trí tuệ, nhưng không quá 50 triệu đồng/dự án;

b) Chi phí nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm: Hỗ trợ 70% chi phí nghiên cứu, hoàn thiện sản phẩm mẫu, sản xuất thử nghiệm, kiểm thử nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án;

c) Chi phí tư vấn khởi nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn pháp lý, tư vấn tài chính, tư vấn đăng ký sở hữu trí tuệ nhưng không quá 40 triệu đồng/dự án;

d) Chi phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ: Hỗ trợ 50% chi phí mua bản quyền phần mềm, giải pháp công nghệ, quyền sử dụng sáng chế, nhưng không quá 100 triệu đồng/dự án;

đ) Hỗ trợ 50% chi phí thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số nhưng không quá 200 triệu đồng/dự án.

Điều 7. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn.

2. Tiêu chí, điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn được hỗ trợ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện sau:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; có tổng vốn đầu tư thực hiện dự án (không bao gồm tiền thuê đất) từ 60.000 triệu đồng trở lên.

b) Có dự án nghiên cứu, phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói hoặc kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; có kế hoạch thương mại hóa sản phẩm hoặc ứng dụng trong các lĩnh vực công nghiệp, quốc phòng, nông nghiệp, đô thị thông minh, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) hoặc các lĩnh vực ưu tiên khác;

c) Có tối thiểu 05 kỹ sư hoặc chuyên gia chuyên ngành thiết kế vi mạch, điện tử, công nghệ thông tin; đội ngũ quản lý dự án có kinh nghiệm tối thiểu 05 năm trong lĩnh vực nghiên cứu, thiết kế hoặc phát triển sản phẩm công nghệ cao;

d) Có hoạt động hợp tác nghiên cứu, đào tạo hoặc chuyển giao công nghệ với cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu hoặc doanh nghiệp trong nước,

nước ngoài; dự án góp phần thúc đẩy hình thành chuỗi cung ứng và hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

d) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án có cam kết bằng văn bản về việc duy trì hoạt động kinh doanh, nghiên cứu tại tỉnh Thái Nguyên tối thiểu 05 năm kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Chi phí đào tạo phát triển nguồn nhân lực: Hỗ trợ 50% chi phí mua sắm trang thiết bị phòng thí nghiệm, phần mềm thiết kế chuyên dụng phục vụ đào tạo phát triển nguồn nhân lực nhưng không quá 10.000 triệu đồng/dự án;

b) Chi phí nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm: Hỗ trợ 40% chi phí nghiên cứu, vật tư tiêu hao, sản xuất thử nghiệm (Fabless) và đăng ký sở hữu trí tuệ nhưng không quá 5.000 triệu đồng/dự án;

c) Chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ: Hỗ trợ 30% chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ phục vụ nghiên cứu và kiểm thử nhưng không quá 15.000 triệu đồng/dự án.

Điều 8. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử.

2. Tiêu chí, điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp thực hiện dự án quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ khi đáp ứng đầy đủ điều kiện chung tại điểm a khoản này và các điều kiện cụ thể tương ứng với từng đối tượng đề nghị hỗ trợ tại điểm b hoặc điểm c khoản này.

a) Điều kiện chung: Doanh nghiệp thực hiện dự án được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với trường hợp thuộc diện phải thực hiện) và có cam kết bằng văn bản về việc duy trì hoạt động tại tỉnh Thái Nguyên tối thiểu 05 năm; có tổng vốn đầu tư thực hiện dự án (không bao gồm tiền thuê đất) từ 60.000 triệu đồng trở lên;

b) Đối với dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn: Doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp cho ngành công nghiệp bán dẫn, bao gồm nguyên liệu, vật tư, linh kiện để cung cấp trực tiếp cho dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; sản phẩm của dự án đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc yêu cầu kỹ thuật của ngành công nghiệp bán dẫn, điện tử theo quy định;

c) Đối với dự án sản xuất thiết bị điện tử: Doanh nghiệp thực hiện dự án phải đáp ứng tối thiểu một trong các tiêu chí quy định tại Điều 3 Thông tư số 33/2025/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học

và Công nghệ quy định tiêu chí doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thiết bị điện tử được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Chi phí sản xuất mẫu thử: Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế, vật tư tiêu hao để sản xuất sản phẩm mẫu gửi đối tác thẩm định. Mức hỗ trợ không quá 5.000 triệu đồng/dự án.

b) Chi phí mua công nghệ: Mức hỗ trợ 50% chi phí đầu tư dự án nhưng tối đa không quá 10.000 triệu đồng/dự án, bao gồm các khoản chi trực tiếp phục vụ hoạt động mua công nghệ, gồm: Tiếp nhận công nghệ; nhận chuyển giao công nghệ; thuê chuyên gia phục vụ tiếp nhận và chuyển giao công nghệ; tư vấn, thiết kế, lắp đặt, tích hợp công nghệ; kiểm tra, giám sát quá trình chuyển giao; đào tạo nhân sự vận hành công nghệ; thử nghiệm, nghiệm thu, hoàn thiện công nghệ; mua vật tư, thiết bị phụ trợ phục vụ việc tiếp nhận công nghệ; chi phí đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến công nghệ được chuyển giao;

c) Chi phí đổi mới công nghệ: Mức hỗ trợ 50% chi phí đầu tư dự án nhưng tối đa không quá 5.000 triệu đồng/dự án, bao gồm các khoản chi trực tiếp phục vụ hoạt động đổi mới, cải tiến, nâng cấp hoặc hoàn thiện công nghệ hiện có, gồm: Thuê chuyên gia nghiên cứu, cải tiến công nghệ; chi phí đổi mới công nghệ; tư vấn, thiết kế, cải tiến, tích hợp công nghệ; kiểm tra, giám sát; đào tạo nhân sự phục vụ công nghệ mới; thử nghiệm, đánh giá, hoàn thiện công nghệ; mua vật tư, thiết bị phụ trợ, khấu hao máy móc mới phục vụ hoạt động đổi mới công nghệ; chi phí sở hữu trí tuệ phát sinh từ hoạt động đổi mới công nghệ;

d) Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn theo quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi như dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, NGUỒN KINH PHÍ HỖ TRỢ

Điều 9. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Tên thủ tục hành chính: Hỗ trợ dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo và dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số; dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Thành phần hồ sơ

a) Giấy đề nghị hỗ trợ dự án (bản chính);

b) Tài liệu thuyết minh dự án gồm: Hồ sơ thiết kế; dự toán kinh phí triển khai;

c) Bản cam kết thực hiện dự án được hỗ trợ;

d) Các tài liệu có liên quan chứng minh tiêu chí, điều kiện hỗ trợ:

d1) Đối với doanh nghiệp thực hiện dự án theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết này: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; phương án tài chính khả thi, khả năng duy trì hoạt động ổn định, tái đầu tư và mở rộng quy mô dự án; hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn giá trị gia tăng mua sắm máy móc, xây dựng; biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục; hồ sơ năng lực; hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thuê chuyên gia, nhân sự.

d2) Đối với dự án theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết này: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp); thuyết minh dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số theo Mẫu 02.TMDA ban hành kèm theo Nghị quyết này; hợp đồng lao động.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

3. Trình tự thực hiện:

Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

a) Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc cấp xã. Cách thức nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tổ chức xác minh thực tế (nếu cần). Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản để tổ chức/doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, các thành viên là lãnh đạo Sở Tài chính và các sở ngành liên quan, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án triển khai; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc thành phần khác (nếu cần thiết);

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định và ban hành báo cáo thẩm định gửi Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, thì trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có báo cáo thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho tổ chức/doanh nghiệp;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ đối với dự án, doanh nghiệp.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ tại Quy định này được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên)

Mẫu 01.ĐNHT

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ DỰ ÁN

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

(Tên tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đề nghị) đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hỗ trợ Dự án (Tên dự án) với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ:

- Mã số doanh nghiệp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:Email.....

- Ngành, lĩnh vực hoạt động:

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Sinh ngày:

- Số định danh cá nhân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu:

- Điện thoại: Email:

3. Thông tin mô tả dự án:

- Quy mô dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án:

- Loại dự án (Vui lòng đánh dấu “x” vào các hoạt động dự án liên quan đến dự án)

☐ Sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm;

☐ Nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn;

- ☐ Xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo;
 - ☐ Khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.
 - ☐ Dự án thiết kế chip bán dẫn.
 - ☐ Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn.
 - ☐ Dự án sản xuất thiết bị điện tử.
 - Công nghệ mới áp dụng (nếu có):
 - Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể):
 - Đối tượng tham gia:
 - Thời gian triển khai:
 - Tổng mức đầu tư: đồng. Bằng chữ:
 - Kinh phí thực hiện có:
 - Thuyết minh chi tiết dự án: (theo mẫu Mẫu 02.TMDA).....
 - Kết quả đầu ra:
 - Các nội dung liên quan khác:
- 4. Đề nghị xem xét hỗ trợ dự án: (tên dự án)**

TT	Nội dung hỗ trợ cụ thể	Mức đề nghị hỗ trợ	Tổng chi phí cho nội dung này của dự án	Thời gian bắt đầu và kết thúc triển khai nội dung theo dự án (ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)
1				
2				
3				

5. Các tài liệu kèm theo:

- (1)
- (2)

6. Cam kết:

Chúng tôi cam kết các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ là đúng sự thật và chưa nhận được sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nội dung đề xuất hỗ trợ và cam kết sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát theo quy định; hoàn trả hỗ trợ nếu vi phạm cam kết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Mẫu 02.TMDA

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

THUYẾT MINH DỰ ÁN

1. Thông tin dự án

- Tên dự án:
- Lĩnh vực:
- Địa điểm triển khai:
- Chủ nhiệm dự án:
 - + Họ tên:
 - + Số điện thoại: Email:

2. Tóm tắt dự án

- Thực trạng, mục tiêu, xu hướng, nội dung hoạt động chính và vấn đề của dự án đề xuất thực hiện:
- Phân tích sản phẩm, giải pháp, cách thức triển khai, điều kiện đảm bảo tính khả thi của giải pháp, kết quả:
- Khách hàng, đối tượng hưởng lợi:
- Kết quả:

3. Nội dung chính của dự án thực hiện khi được hỗ trợ:

Nội dung, hoạt động	Kết quả phải đạt, sản phẩm thu được	Thời gian thực hiện (tháng thứ...)	Đơn vị thực hiện
Nội dung 1:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
Nội dung 2:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			

4. Nguồn nhân lực và tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật được sử dụng để thực hiện dự án

- Năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ, nhân viên của tổ chức, mạng lưới chuyên gia tham gia thực hiện nội dung chính của nhiệm vụ.

- Kết quả, giải thưởng, danh hiệu liên quan đến hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số đã đạt được.

- Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật được phép khai thác, sử dụng để thực hiện dự án.

5. Biện pháp quản trị rủi ro và phương án nhân rộng mô hình, chuyển giao, khai thác sản phẩm, kết quả thực hiện dự án

6. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ

- Kinh phí đối ứng của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án:

- Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- Kinh phí huy động từ các nguồn khác (nếu có):

Kính mong cơ quan có thẩm quyền xem xét, tạo điều kiện hỗ trợ dự án.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN,
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm 20...

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tổng	Nguồn vốn (Đơn vị tính: triệu đồng)		
						Ngân sách Nhà nước		Khác
						Tổng số	Trong đó, khoán chi theo quy định	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	...							
2	Chi khác							
	Tổng cộng							

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỢC HỖ TRỢ

1. Tên tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Người đại diện theo pháp luật:
- Họ và tên:
- Chức vụ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quốc tịch:
- Số định danh cá nhân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu:
- + Ngày cấp:
- + Nơi cấp:

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cam kết thực hiện các nội dung sau:

1. Cam kết về nghĩa vụ thuế, lao động và pháp luật về đầu tư

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cam kết chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động.

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cam kết không thuộc trường hợp đang bị xem xét xử lý vi phạm pháp luật về đầu tư, tài chính, thuế, đất đai hoặc đang trong quá trình giải thể.

2. Cam kết về giải ngân và sử dụng kinh phí hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cam kết:

- Giải ngân và sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng nội dung hỗ trợ, phù hợp với hồ sơ đề nghị hỗ trợ;

- Việc giải ngân kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo tiến độ và thời gian của từng nội dung hỗ trợ đã được phê duyệt, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, quy mô và lộ trình thực hiện dự án.

3. Cam kết tuân thủ tiến độ và trách nhiệm hoàn trả

Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng tiến độ đã được phê duyệt đối với từng nội dung hỗ trợ, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chịu trách nhiệm giải trình và chấp hành việc điều chỉnh, dừng hoặc thu hồi phần kinh phí hỗ trợ chưa giải ngân theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cam kết hoàn trả kinh phí hỗ trợ đã nhận trong trường hợp sử dụng sai mục đích, sai nội dung hoặc vi phạm nội dung cam kết.

4. Cam kết duy trì hoạt động tại địa phương

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cam kết duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh và triển khai dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm nhận kinh phí hỗ trợ.

Nơi nhận:

- Như trên:
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN,
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)